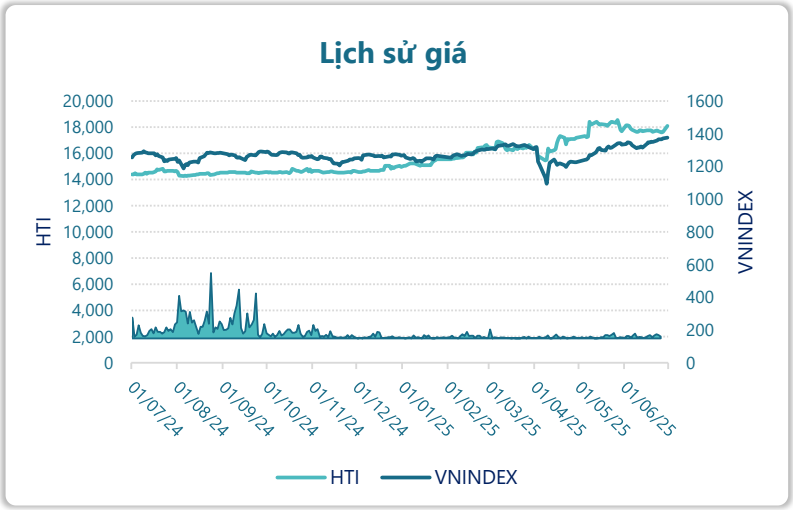
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HSX: HTI)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,266
SL cổ phiếu LH	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60,130
% sở hữu nước ngoài	7.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	452
P/E	3.5
EPS	5,146

DT thuần

Q2/25

130

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0| 15.4%

YoY: ▲ 14.0| 12.4%

LN sau thuế

Q2/25

37.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.8| -36.9%

YoY: ▲ 20.4| 122%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

45.4%

+/- YoY: ▲ 15.5%

DT thuần

6T 2025

243

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0| 7.4%

LN sau thuế

6T 2025

96.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.6| 206%

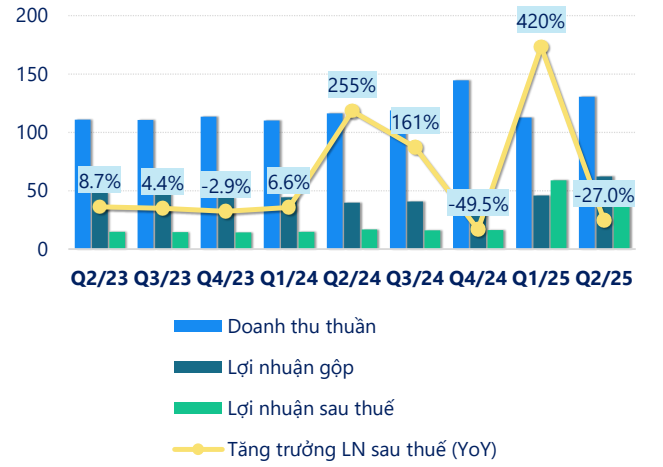
ROE

Q2/25

25.0%

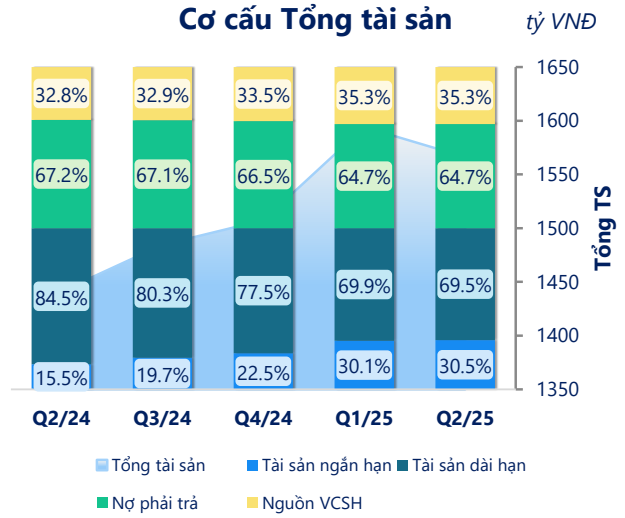
+/- YoY: ▲ 12.1%

Kết quả kinh doanh



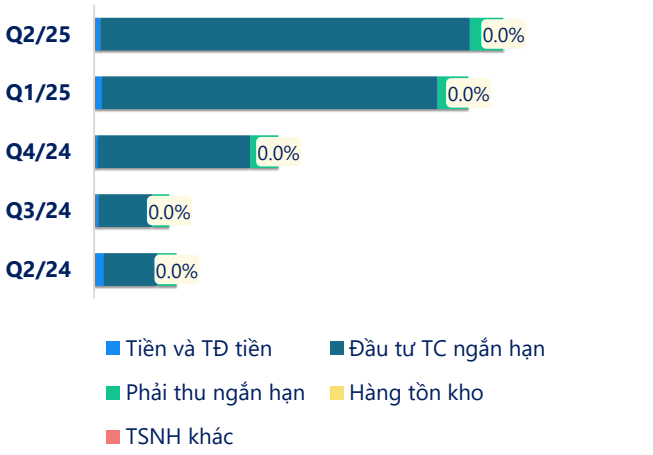
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



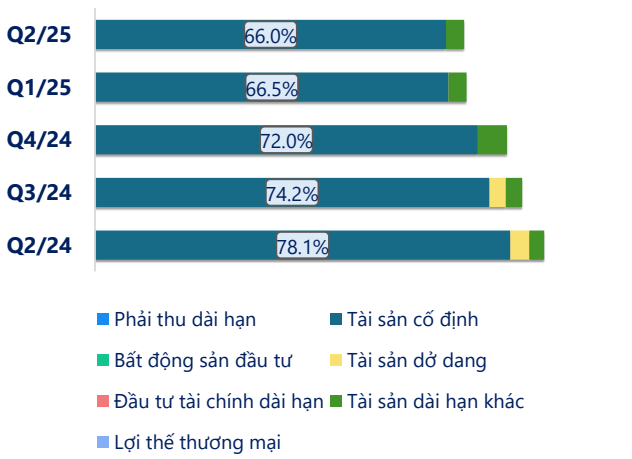
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



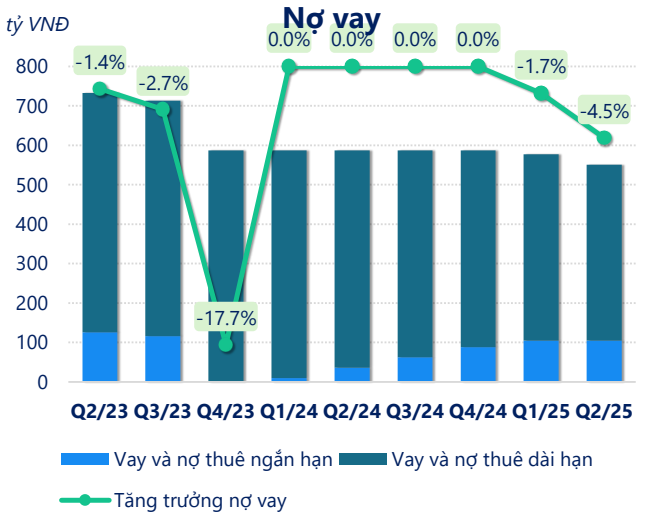
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



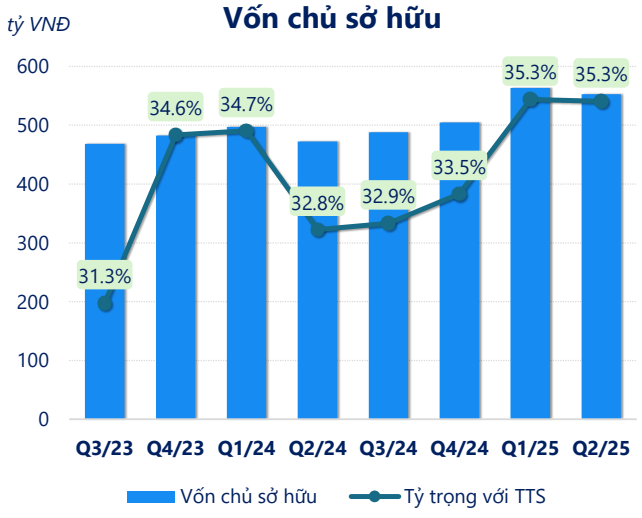
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



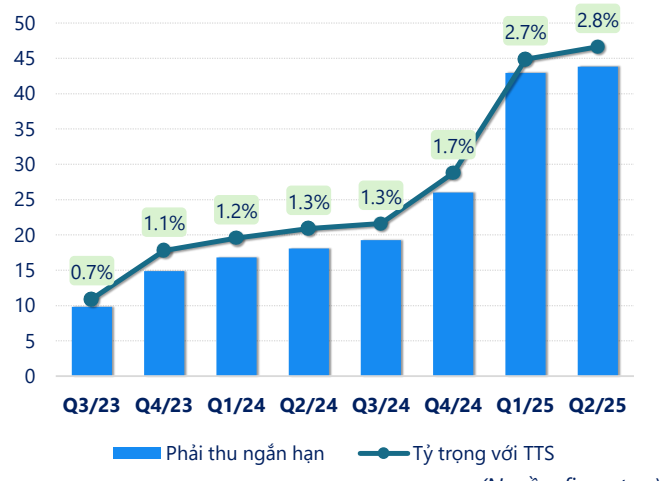
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



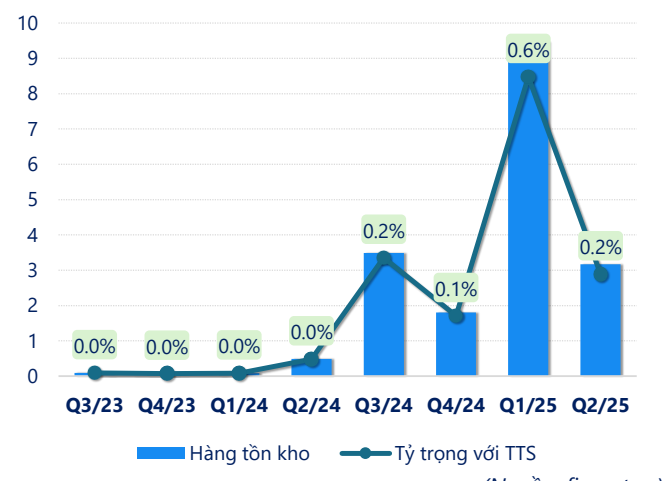
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



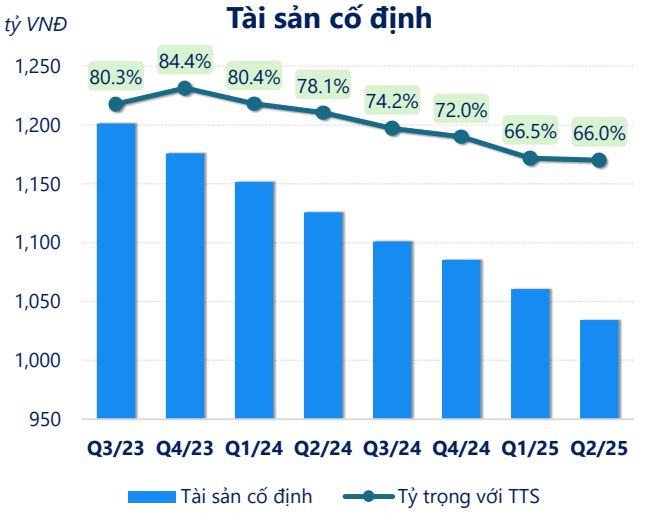
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



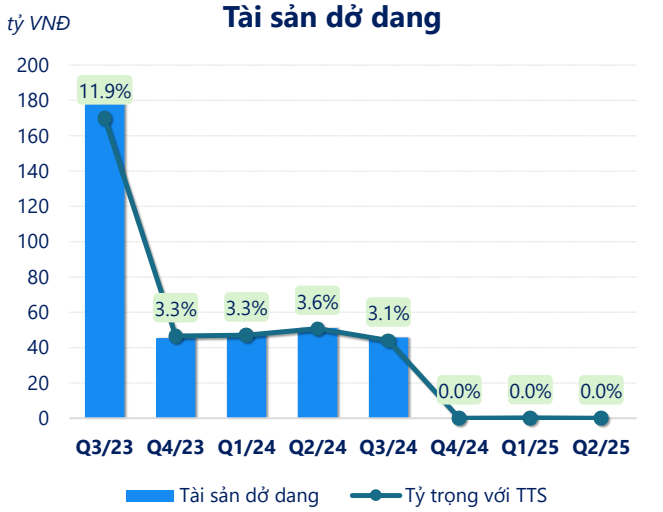
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



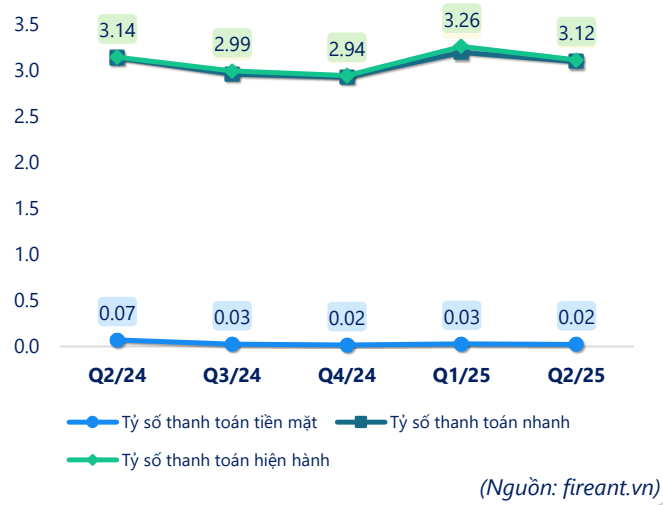
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



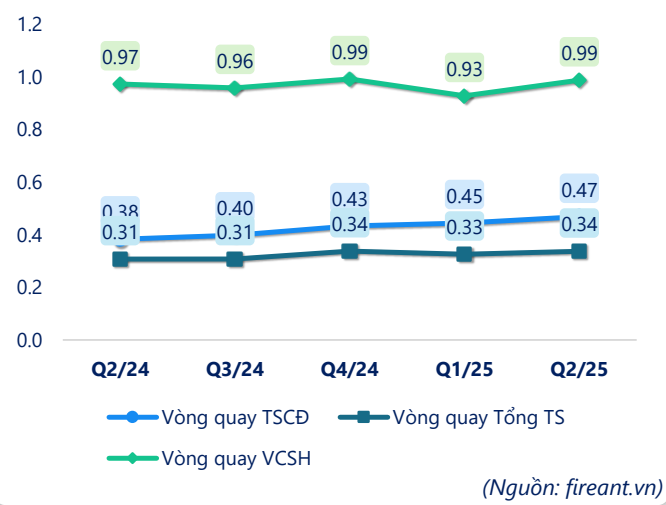
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,441**	**1,485**	**1,507**	**1,594**	**1,566**
Tài sản ngắn hạn	**224**	**292**	**339**	**480**	**478**
Tiền và tương đương tiền	5.08	2.47	1.88	4.49	3.71
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200	267	309	423	428
Phải thu ngắn hạn	18.1	19.2	26.0	42.9	43.8
Hàng tồn kho	0.48	3.49	1.80	9.46	3.17
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1,217**	**1,192**	**1,168**	**1,114**	**1,088**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,126	1,101	1,085	1,061	1,034
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	51.2	45.8	0	0.14	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	40.3	45.7	82.8	53.0	53.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**969**	**996**	**1,003**	**1,031**	**1,013**
Nợ ngắn hạn	**71.2**	**97.6**	**115**	**147**	**154**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.1	62.2	88.4	104	104
Phải trả người bán ngắn hạn	9.39	5.28	8.41	3.24	10.7
Nợ dài hạn	898	899	888	883	860
Vay và nợ thuê dài hạn	551	525	499	473	447
Nguồn vốn chủ sở hữu	**472**	**488**	**505**	**563**	**553**
Vốn chủ sở hữu	**472**	**488**	**505**	**563**	**553**
Vốn điều lệ	249	249	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)